

Bản án số: 57/2023/HSST.
Ngày 09/11/2023.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Dũng.

2/ Bà Phạm Hồng Gái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh KG mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2023/ HSST ngày 04 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 28/11/1981; tại CM; Nơi đăng ký thường trú, chỗ ở hiện nay: Tổ 18, ấp KT, xã BG, huyện HĐ, tỉnh KG; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1941 và bà Huỳnh Thị N (chết); có vợ tên: Đinh Thị Phượng H, sinh năm 1995 và 01 người con sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/5/2023 cho đến nay.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

* *Bị hại:* Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp GK, xã BG, huyện HĐ, tỉnh KG.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông **Hồ Thanh N1**, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp GK, xã BG, huyện HĐ, tỉnh KG.

2/ Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1971 (vắng mặt).

3/ Ông **Nguyễn Minh Đ1**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp KT, xã BG, huyện HĐ, tỉnh KG.

Người tham gia tố tụng khác:

* *Người làm chứng:*

- Anh **Hồ Phúc Th**, sinh năm 2005 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp GK, xã BG, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 18/3/2022 Nguyễn Văn T có mua của vợ chồng ông Hồ Thanh N1, bà Nguyễn Thị N 01 thửa đất có diện tích 2.250m² (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) đất tọa lạc tại ấp GK, xã BG, huyện HĐ, tỉnh KG với giá 350.000.000 đồng; T trả trước cho ông N1, bà N số tiền 150.000.000 đồng và ông N1 thỏa thuận với T từ 01 - 02 tháng sẽ làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên T thì T sẽ giao đủ số tiền còn lại là 200.000.000 đồng cho ông N1 và được T đồng ý. Sau nhiều lần đưa tiền cho ông N1 mượn và trả tiền đất tổng cộng là 265.000.000 đồng nên còn lại 95.000.000 đồng. T dự định cất nhà trên diện tích đất mua của ông N1, bà N vào giữa tháng 3 năm 2023. Do có nhiều cây đề và cỏ dại mọc nên ngày 25/02/2023 T đến gặp Nguyễn Văn B (anh của T) và Nguyễn Minh Đ (em của T) nói “ngày mai có rảnh không tiếp tôi chặt cây đề và dọn cỏ chỗ đất tôi mua của ông N1” B và Đ đồng ý. Khoảng 8 giờ ngày 26/2/2023 T chạy xe mô tô đến phần đất mua của ông N1 với mục đích là chặt cây dọn cỏ, đến nơi T gặp ông N1 trong nhà, ông N1 kêu T vào trong nhà nói với T “nếu không trả đủ tiền thì trả đất lại cho ông N1”, T trả lời “tại ông chưa làm xong giấy đất cho tôi nên tôi không

trả đủ tiền cho ông, lỗi là do ông” ông N1 nói “nếu không trả tiền thắng nào vào làm tao chém đứt đầu”. T cự cãi với ông N1, ông N1 đứng dậy dùng tay trái nắm cổ áo của T, tay phải đánh trúng đầu và mặt T nhiều cái, T đánh trả lại ông N1, hai người giằng co qua lại, đánh nhau qua lại, sau đó bà N và Thiện vào can hai người ra. T bỏ chạy ra ngoài đường lộ đàng lấy xe mô tô chạy về nhà thì gặp B và Đ đang ăn cơm. T nói với B và Đ “sau giờ này chưa đi” B trả lời “ăn cơm xong rồi đi”; T đi ra sau nhà lấy cây phăng vác lên vai rồi chạy xe đến nhà ông N1, đến nơi T nhìn thấy ông N1 đứng trong hiên nhà. T đậu xe mô tô trước nhà ông N1, tay phải cầm cây phăng đi vào mục đích chém ông N1. Lúc này bà N thấy T cầm cây phăng, bà N đẩy ông N1 vào trong nhà, T nhào tới tay phải cầm cây phăng chém theo hướng từ phải qua trái 01 nhát trúng vào tay trái của bà N gây thương tích. Lúc này B và Đ vừa chạy xe mô tô đến, trên tay B và Đ có cầm theo dao với mục đích chặt cây; B và Đ đậu xe trước nhà ông N1, nhìn thấy T trên tay cầm cây phăng đang cự cãi với bà N, ông N1; Lúc này trên tay trái của bà N đã bị thương chảy máu, Đ vào can và kéo T ra ngoài lộ đàng, sau đó T cầm cây phăng lên xe mô tô của T chạy về trước, B và Đ chạy theo sau về nhà, bà N được đưa đi bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang cấp cứu điều trị. Đến ngày 28/02/2023 ra viện, bà N làm đơn yêu cầu giám định thương tích và yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với Nguyễn Văn T.

* Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 218/KLTTCT-PY ngày 05/4/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận:

1/ Các kết quả chính:

Qua khám giám định và kết quả cận lâm sàng.

Vết thương cẳng tay trái, đứt gân duỗi ngón III, IV, V gân duỗi cổ tay trụ, gãy xương trụ trái, đã được phẫu thuật khâu nối gân duỗi và điều trị. Hiện xương chưa liền và còn hạn chế gấp - duỗi khớp cổ tay trái.

2/ Kết luận:

2.1 Căn cứ Thông tư số 22/2019 ngày 28/8/2019 của Bộ y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Thị N tại thời điểm giám định là: 16% (mười sáu phần trăm) áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

2.2 Vật gây thương tích: Vật sắc.

2.3 Về cơ chế hình thành vết thương: Thương tích cẳng tay trái do vật sắc tác động theo hướng từ phải qua trái (hay từ xương trụ sang xương quay) so với trục giải phẫu cơ thể.

* Tại bản kết luận giám định vật gây thương tích số 219/KLVGTT-PY ngày 05/4/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận:

1/ Các kết quả chính:

Kết quả nghiên cứu mẫu vật: Mẫu vật: (cây phảng) là dạng vật có cạnh sắc.

Kết quả đối chiếu mẫu vật với thương tích: Mẫu vật: (cây phảng) gửi giám định có cạnh sắc: có đặc tính phù hợp với dạng vật gây thương tích của Nguyễn Thị N (vật sắc).

2/ Kết luận: Căn cứ kết quả giám định vật gây thương tích được cơ quan trung cầu giám định, mẫu vật: (cây phảng) gửi giám định có thể gây ra được thương tích của Nguyễn Thị N.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải và khắc phục hậu quả.

Về vật chứng của vụ án và các đồ vật được thu giữ trong quá trình điều tra gồm: 01 (một) cây phảng dạng hình L, dài 103cm; Phần cán: dài 20,2cm, làm bằng gỗ màu xám, hình trụ tròn; Lưỡi phảng: dài 81,5cm làm bằng kim loại màu nâu đen. Bề rộng của lưỡi phảng chỗ lớn nhất là 3,7cm; chỗ nhỏ nhất là 2,1cm. Cạnh sống của lưỡi phảng T, tù, chỗ dày nhất 0,9cm (tiếp giáp phần cán), chỗ nhỏ nhất 0,3cm, cạnh lưỡi phảng T, mỏng, sắc, lưỡi phảng đang rỉ sét.

Tại bản cáo trạng số: 65/CT-VKS-HĐ ngày 11/9/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất truy tố bị can Nguyễn Văn T, sinh năm 1981 về tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất giữ quyền công tố tại phiên tòa: Sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; tịch thu tiêu hủy vật chứng: 01 (một) cây phảng dạng hình L, dài 103cm; phần

cán: dài 20,2cm, làm bằng gỗ màu xám, hình trụ tròn; Lưỡi phăng: dài 81,5cm, làm bằng kim loại màu nâu đen. Bề rộng của lưỡi phăng chỗ lớn nhất là 3,7cm; chỗ nhỏ nhất là 2,1cm; Cạnh sống của lưỡi phăng T, tù, chỗ dày nhất 0,9cm (tiếp giáp phần cán), chỗ nhỏ nhất 0,3cm, cạnh lưỡi phăng T, mỏng, sắc, lưỡi phăng đang rỉ sét là công cụ mà bị cáo T dùng để gây án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị N không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét.

Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH quy định về lệ phí án phí tòa án buộc bị cáo T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo T thừa nhận hành vi như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất đã truy tố là đúng và không tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX vào nghị án: Bị cáo T bày tỏ sự hối hận về hành vi của mình và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hòn Đất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 09 giờ ngày 26/02/2023, tại khu vực đất thuộc ấp GK, xã BG, huyện HĐ, tỉnh KG Nguyễn Văn T đã có hành vi dùng cây phăng là hung khí nguy hiểm chém trúng cẳng tay trái của bà Nguyễn Thị N gây thương tích, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 16% (mười sáu phần trăm). Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Như vậy, kết luận của Viện

kiểm sát nhân dân huyện HD, tỉnh KG truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức việc cố ý gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo cố tình thực hiện, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần thiết xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, thì mới có tính giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy trong vụ việc này gia đình bị hại có một phần lỗi là đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà lại đem ra sang bán; đồng thời tại phiên tòa phía gia đình bị hại cũng thừa nhận rằng có một phần lỗi trong vụ việc này. Do đó, HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[4] Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu, bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại và bị hại đã làm đơn xin bãi nại cho bị cáo. Do đó, HĐXX áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào.

[5] Xử lý vật chứng: 01 (một) cây phăng dạng hình L, dài 103cm; phần cán: dài 20,2cm, làm bằng gỗ màu xám, hình trụ tròn; Lưỡi phăng: dài 81,5cm, làm bằng kim loại màu nâu đen. Bề rộng của lưỡi phăng chỗ lớn nhất là 3,7cm; chỗ nhỏ nhất là 2,1cm; Cạnh sống của lưỡi phăng T, tù, chỗ dày nhất 0,9cm (tiếp giáp phần cán), chỗ nhỏ nhất 0,3cm, cạnh lưỡi phăng T, mỏng, sắc, lưỡi phăng đang rỉ sét là công cụ mà bị cáo Nguyễn Văn T dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên HĐXX miễn xét.

[7] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[8] Các vấn đề khác liên quan đến vụ án:

- Đối với Hồ Thanh N1 có hành vi dùng tay đánh vào đầu và mặt của bị cáo T nhưng không gây thương tích; T không yêu cầu xử lý nên Cơ quan cảnh sát điều

tra không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Hồ Thanh N1 là đúng theo quy định của pháp luật.

- Đối với Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Văn B có mặt tại hiện trường nhưng không tham gia đánh nhau nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý là đúng theo quy định pháp luật.

[9] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH quy định về lệ phí, án phí tòa án thì bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên HĐXX miễn xét.

3. Về việc xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cây phăng dạng hình L, dài 103cm; phần cán: dài 20,2cm, làm bằng gỗ màu xám, hình trụ tròn; Lưỡi phăng: dài 81,5cm, làm bằng kim loại màu nâu đen. Bề rộng của lưỡi phăng chỗ lớn nhất là 3,7cm; chỗ nhỏ nhất là 2,1cm. Cạnh sống của lưỡi phăng T, tù, chỗ dày nhất 0,9cm (tiếp giáp phần cán), chỗ nhỏ nhất 0,3cm, cạnh lưỡi phăng T, mỏng, sắc, lưỡi phăng đang rỉ sét (đã qua sử dụng).

(Có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/8/2023 giữa Cơ quan Công an huyện Hòn Đất và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất)

4. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH quy định về lệ phí, án phí tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/11/2023). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi Nhận:

- TAND Tỉnh KG;
- VKS Huyện Hòn Đất;
- Cơ quan THA huyện Hòn Đất;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Hồng Điệp

